

Số: 196/QĐ - THNgC

TP. Hải Dương, ngày 27 tháng 11 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố công khai điều chỉnh, bổ sung dự toán chi NSNN năm 2024
của Trường Tiểu học Ngọc Châu**

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG TIỂU HỌC NGỌC CHÂU

Căn cứ Thông tư số 28/TT-BGDĐT ngày 04/09/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách Nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định 4515/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND thành phố về việc bổ sung dự toán chi ngân sách thành phố năm 2024; Quyết định 4518/QĐ-UBND ngày 25/11/2024 của UBND thành phố về việc điều chỉnh nguồn kinh phí đã phân bổ năm 2024.

Xét đề nghị của bộ phận kế toán trường tiểu học Ngọc Châu.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung chi NSNN năm 2024 của trường Tiểu học Ngọc Châu (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Các tổ chức đoàn thể, cán bộ, viên chức trường Tiểu học Ngọc Châu liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Phòng TC- KH;
- Lưu VP,

HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG
TIỂU HỌC
NGỌC CHÂU



Nguyễn Thị Quyên Oanh

Biểu số 2 - Ban hành kèm theo Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ Tài chính

Đơn vị: Trường Tiểu học Ngọc Châu

Chương: 622

DỰ TOÁN THU, CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC BỔ SUNG

(Kèm theo Quyết định số 196/QĐ- THNgC ngày 27/11/2024 của trường tiểu học Ngọc Châu)

(Dùng cho đơn vị sử dụng ngân sách)

Đvt: nghìn đồng

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
1	2	3
A	Tổng số thu, chi, nộp ngân sách phí, lệ phí	
I	Số thu phí, lệ phí	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
II	Chi từ nguồn thu phí được để lại	
I	Chi sự nghiệp.....	
a	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
b	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
2	Chi quản lý hành chính	
a	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
b	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
III	Số phí, lệ phí nộp ngân sách nhà nước	
1	Lệ phí	
	Lệ phí...	
	Lệ phí...	
2	Phí	
	Phí ...	
	Phí ...	
B	Dự toán chi ngân sách nhà nước	-101.805
I	Nguồn ngân sách trong nước	-101.805
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Kinh phí thực hiện chế độ tự chủ	
1.2	Kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp quốc gia	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp Bộ	
	- Nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở	
2.2	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên theo chức năng	
2.3	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	-101.805

Số TT	Nội dung	Dự toán được giao
3.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	-101.805
	- KP cho GV bổ nhiệm CDNN, PC thâm niên lần đầu, tăng lương trước hạn, PC ngành, dạy thêm giờ	42.340
3.2	- Điều chỉnh kinh phí đã phân bổ cho các trường năm 2024 do chuyển vị trí công tác, nghỉ hưu, nghỉ việc, tăng lương, tăng thâm niên thường xuyên	-144.145
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
4.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
5.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
6.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
7.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
7.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
8	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
8.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
8.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
9	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình, thông tin	
9.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
9.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
10	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
10.1	Kinh phí nhiệm vụ thường xuyên	
10.2	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	
II	Nguồn vốn viện trợ	
1	Chi quản lý hành chính	
1.1	Dự án A	
1.2	Dự án B	
2	Chi sự nghiệp khoa học và công nghệ	
2.1	Dự án A	
2.2	Dự án B	
3	Chi sự nghiệp giáo dục, đào tạo và dạy nghề	
3.1	Dự án A	
3.2	Dự án B	
4	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4.1	Dự án A	
4.2	Dự án B	
5	Chi bảo đảm xã hội	
5.1	Dự án A	
5.2	Dự án B	
6	Chi hoạt động kinh tế	
6.1	Dự án A	
6.2	Dự án B	